

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 4 - 2026

V/v Tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con và cấp
dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương
2. Bà Hoàng Cúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Thái Ngọc Mai - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về Thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/3/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị T.** Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện trú tại: Bản N, phường Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Hoàng Minh T.** Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2026, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T đã ly hôn năm 2021. Theo quyết định giải quyết việc dân sự số 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên) về phần con: Giao cháu Hoàng Ngọc Minh T - sinh ngày 11/11/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Ngọc Minh Tr - sinh ngày 18/7/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu T là 1.500.000 đồng/một tháng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Khi ly hôn chị T đang mang thai cháu thứ 3.

Nay do các con đều có nguyện vọng được ở với chị T, một mình chị phải nuôi ba con. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các con, chị T yêu cầu giải quyết:

- Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Hoàng Ngọc Minh T - sinh ngày 11/11/2008, Hoàng Ngọc Minh T - sinh ngày 18/7/2011, Hoàng Ngọc Phương N - sinh ngày 19/3/2022. Lý do: Anh T đã có gia đình riêng, các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

- Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/cháu/tháng. Số tiền cấp dưỡng cho ba cháu là 6.000.000 (sáu triệu) đồng/3cháu/tháng.

Tại phiên tòa, chị T không đồng ý với việc anh T cho rằng vay tiền bố mẹ để anh T để trả khoản nợ của chị T. Chị T thay đổi mức cấp dưỡng đối với cháu T: Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Tr là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho cháu T và N là 2.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu anh T phải chịu lãi nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

2. Tại Văn bản tự khai đề ngày 20/01/2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T nhất trí với lời trình bày của chị T về phần ly hôn ban đầu và anh chị có ba con chung như T trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, tuy hoàn cảnh khó khăn, chỉ sống nhờ vào một nguồn lương là chính, do thương các cháu rất thiết thòi về mặt tình cảm nên hàng tháng anh T đều cấp dưỡng vượt mức so với mức cấp dưỡng theo quyết định của tòa án (Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng).

Căn cứ vào điều kiện kinh tế của anh T hiện nay:

Thu nhập hàng tháng: 15.000.000 đồng/tháng.

Nghĩa vụ trả nợ cho bố mẹ: 8.000.000 đồng/tháng. (Theo hợp đồng vay tiền từ năm 2022).

Chưa có nhà riêng, hiện đang ở chung với bố mẹ đẻ và đóng tiền sinh hoạt hàng tháng: 3.000.000 đồng.

Như vậy, sau khi trừ các nghĩa vụ bắt buộc, số tiền còn lại để sinh hoạt cá nhân và cấp dưỡng các con là 4.000.000 đồng/tháng.

Nên anh T không đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị T đưa ra. Vì:

Hiện nay, anh T đã lập gia đình mới và sắp có con chung. Vì vậy, việc đảm bảo mức cấp dưỡng cho phù hợp, ổn định là cần thiết để vừa bảo vệ quyền lợi của tất cả các con, vừa đảm bảo đời sống gia đình hiện tại.

Về điều kiện của chị T: hiện đang công tác tại công ty Cổ phần C và công ty K - Nội thất N với thu nhập ổn định. Cơ bản đảm bảo quyền lợi cơ bản về ăn uống, học hành, y tế, sinh hoạt hàng ngày cho các con. Trên cơ sở đó, anh T đề nghị Tòa án xem xét, ấn định mức cấp dưỡng tổng từ 3.000.000 đồng đến 3.500.000 đồng/tháng cho cả ba con, cụ thể như sau:

1. Hoàng Ngọc Minh Tr, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng
2. Hoàng Ngọc Minh T, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng
3. Hoàng Ngọc Phương N, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, anh T cho rằng mức cấp dưỡng mà chị T đưa ra là phù hợp, tuy nhiên điều kiện thực tế của anh không thể cấp dưỡng được mức này, anh chỉ có thể cố gắng cấp dưỡng ở mức 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc cấp dưỡng.

3. Việc thu thập, xác minh tài liệu, chứng cứ:

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2026:

Cháu Hoàng Ngọc Minh Tr trình bày: Hiện nay con đang ở với mẹ vẫn bình thường, không có vấn đề gì cả. Quan điểm của con ở với ai cũng được vì còn mấy tháng nữa con đủ tuổi thành niên và có thể sẽ đi du học. Lời khai của con hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Cháu Hoàng Ngọc Minh T trình bày: Hiện nay con đang ở với mẹ vẫn bình thường, không có vấn đề gì cả. Con vẫn có nguyện vọng được ở với mẹ. Lời khai của con hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

4. Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tại phiên tòa:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án: Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Điều 48/Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc tuân theo pháp luật của Hội

đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của BLTTDS.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, 35, 39/BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn đối với bị đơn có nơi cư trú tại phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên) đã quyết định: Giao cháu Hoàng Ngọc Minh Tr - sinh ngày 11/11/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Ngọc Minh T - sinh ngày 18/7/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu T theo tháng với mức là 1.500.000 đồng/một tháng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, các bên đã thống nhất được những nội dung sau:

- Về con chung: Anh T, chị T có 03 con chung là Hoàng Ngọc Minh Tr - sinh ngày 11/11/2008, Hoàng Ngọc Minh T - sinh ngày 18/7/2011, Hoàng Ngọc

Phuong N - sinh ngày 19/3/2022. Hiện các con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường.

- Về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con: Giao con chung là Hoàng Ngọc Minh Tr, Hoàng Ngọc Minh T, Hoàng Ngọc Phuong N cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Các bên chưa thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.1] Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con:

Do các đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với thực tế hiện nay cả ba cháu đều đang ở cùng với chị T, cháu Tr và T đều có nguyện vọng ở với mẹ, cháu N còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, bản thân anh T hiện nay cũng đã có gia đình mới. Vì vậy, việc giao các con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung chưa thành niên.

[2.2] Về yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung:

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo Điều 3 Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ thì anh T đang làm việc tại khu vực phường Đ, tỉnh Điện Biên thuộc vùng III, mức lương tối thiểu vùng là 4.140.000 đồng. Căn cứ vào thu nhập thực tế là lương thực lĩnh của anh T là 14.754.753 đồng/tháng. Anh T cho rằng hàng tháng anh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bố mẹ anh là 8.000.000 đồng/tháng. Do anh chưa có nhà riêng, hiện đang ở chung với bố mẹ đẻ và đóng tiền sinh hoạt hàng tháng: 3.000.000 đồng. Anh cho rằng sau khi trừ các nghĩa vụ bắt buộc, số tiền còn lại để sinh hoạt cá nhân và cấp dưỡng các con là 4.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, việc anh căn cứ vào Hợp đồng vay tiền giữa anh và bố mẹ anh để chứng minh cho việc giảm mức thu nhập là không khách quan, anh cho rằng khoản nợ này xuất phát từ khoản nợ của chị T (gia đình anh phải trả nợ cho chị T) nhưng các tài liệu, chứng cứ anh giao nộp chưa có căn cứ để chứng minh nên không được chấp nhận. Mức cấp dưỡng mà anh T đưa ra là chưa phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay tại khu vực Đ, nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của các con.

Theo quy định, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng với mức bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng là $4.140.000 \text{ đồng} / 2 = 2.070.000 \text{ đồng}$, việc chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng từ 1.000.000 đồng (đối với cháu Triết) và 2.000.000 đồng/một tháng đối với cháu T và N là không vượt quá mức quy định. Anh T phải trả lãi nếu

chậm thi hành nghĩa vụ thi hành. Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của của các con chưa thành niên và khả năng thực tế của anh T nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mà chị T yêu cầu.

Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

[3] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147/BLTTDS và khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, 5 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

1. Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau: Giao con chung là cháu Hoàng Ngọc Minh Tr - sinh ngày 11/11/2008, Hoàng Ngọc Minh T - sinh ngày 18/7/2011, Hoàng Ngọc Phương N - sinh ngày 19/3/2022 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

2. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Hoàng Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các con là Hoàng Ngọc Minh Tr - sinh ngày 11/11/2008 là 1.000.000 (một triệu) đồng/01 tháng; cấp dưỡng cho cháu Hoàng Ngọc Minh T - sinh ngày 18/7/2011 và Hoàng

Ngọc Phương N - sinh ngày 19/3/2022 là 2.000.000 (hai triệu) đồng/01 tháng cho mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

- Anh Hoàng Minh T phải chịu số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho chị Đỗ Thị T số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000014 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/4/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh ĐB;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ